ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TÂN AN** Số: 118 /BC-UBND	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân An, ngày 06 tháng 11 năm 2020*

BÁO CÁO
Kết quả công tác trẻ em năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021

Thực hiện Công văn số 155/ LĐTBXH ngày 26/10/2020 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện về việc báo cáo định kỳ công tác trẻ em năm 2020;

Uỷ ban nhân dân xã Tân An báo cáo kết quả công tác trẻ em năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 như sau:

I. Đặc điểm tình hình:

Về phát triển kinh tế: Đa số người dân sống bằng nghề nông, chiếm 80%, số còn lại mua bán nhỏ lẻ, đời sống nhân dân khá ổn định, kinh tế trên đà phát triển. Song vẫn còn một số ít gia đình gặp khó khăn, trình độ dân trí phát triển chưa đồng đều.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các ngành cấp trên; sự phối kết hợp của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tình hình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã đã có bước phát triển mạnh, cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững; đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân được nâng lên. Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc trẻ em từ gia đình và địa phương cũng được quan tâm hơn. Tỷ lệ trẻ em đến trường tăng cao hơn so với những năm trước, đặc biệt là tỷ lệ trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến trường rất đông, đầu năm học vừa qua trường mẫu giáo đã không đủ phòng học, lớp học cho các cháu, số lượng các trường mẫu giáo tư thục mở ra nhiều.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã được quan tâm, đầu tư về mọi mặt, nhờ đó cuộc sống và các quyền của trẻ em được thực hiện tốt hơn. Thực hiện Chỉ thị số 38/CT-TW ngày 30/5/1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em UBND xã đã tăng cường chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, triển khai thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em. Do vậy, thời gian qua công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã trở thành hoạt động rộng khắp, góp phần nâng cao trách nhiệm và thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Tuy nhiên, kết quả thực hiện các mục tiêu bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em vẫn chưa cao. Điều đó cho thấy, công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn và thách thức.

Bên cạnh đó thì nguồn kinh phí đầu tư cho các em cũng chưa được chú trọng, khu vui chơi giải trí dành riêng cho các em không có. Cơ sở hạ tầng, trường lớp chưa được đảm bảo, các em dưới 6 tuổi còn đi học tư (ở các trường mầm non tư thục) nhiều. Từ đó chất lượng học của các em chưa có.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 2.626 trẻ em chiếm 23,62% tổng dân số toàn xã, trong đó có 692 số trẻ em dưới 6 tuổi chiếm 26.35% tổng số trẻ em. Trên địa bàn xã có 22 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trong đó trẻ em mồ côi: 3 trẻ, trẻ em khuyết tật là 12 trẻ, có 173 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó

khăn thuộc các nhóm đối tượng: không có trẻ em bị xâm hại tình dục; 112 trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, 18 trẻ sống trong gia đình có vấn đề xã hội, 22 trẻ em bỏ học. Từ đó việc quan tâm đến số đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh khó khăn là một việc làm hết sức quan trọng và cấp bách.

II. Kết quả thực hiện:

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, sự chỉ đạo trực tiếp UBND xã cùng với sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể đã thực hiện tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em thông qua các buổi sinh hoạt pháp luật được tổ chức tại Ủy ban nhân dân xã, tại các thôn, các trường học thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

Thực hiện tốt Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em đảm bảo Trẻ em tại địa phương được hưởng đúng quyền lợi và nghĩ vụ của mình.

Trong năm bộ phận Lao động – Thương binh vã xã hội xã đã tham mưu cho UBND xã ban hành các văn bản như: Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2020; Kế hoạch tổ chức các hoạt động trong dịp Tết thiếu nhi 1/6. Phối hợp với Đoàn thanh niên, phụ nữ và tham mưu cho Hội đồng nhân dân xã tổ chức các buổi đối thoại giữa lãnh đạo địa phương với trẻ em, các dịp lễ tế Trung thu, Ngày quốc tế thiếu Nhi 01/6. Bên cạnh đó luôn quan tâm giúp đỡ những em có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên và đột xuất, đề xuất các cấp hỗ trợ kịp thời.

Phối hợp với nhà trường, ban ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, trang bị kỹ năng sống cho các em qua tổ chức câu lạc bộ Quyền Trẻ em, buổi đối thoại truyền thông trường học cho các em thanh thiếu niên trường học, kiểm tra, đánh giá và giám sát các chỉ tiêu về công tác trẻ em; phối hợp công chức Văn hóa – Thông tin, tuyên truyền các hoạt động Tháng hành động vì Trẻ em; phố hợp với Đoàn thanh niên xã tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho các em; Tổ chức cho các em sinh hoạt hè thường kỳ.

2. Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em:

- Xây dựng chương trình Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn xã năm 2020; Rà soát trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại nguy hiểm theo Quyết định 19/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; thống kê số trẻ em có hoàn cảnh gia đình khó khăn và trẻ em khuyết tật trên địa bàn huyện có nhu cầu khám phẫu thuật báo cáo với cấp trên.

- Thống kê, rà soát số trẻ em bị mắc bệnh tim bẩm sinh đi phẫu thuật tại TP HCM.

- Tham mưu với cấp trên cứu trợ đột xuất cho các đối tượng trẻ em khó khăn đột xuất:

- Phối hợp với Đoàn xã tổ chức tuyên truyền cho các em tham gia lớp tập huấn lớp kỹ năng sống cơ bản cho các em.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo nên công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong năm đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Hầu hết các đối

tượng trẻ em được quan tâm chăm sóc sức khỏe nhất là vấn đề tiêm phòng ở trẻ đạt tỷ lệ cao; về công tác giáo dục đã được đưa vào nghị quyết hàng năm về tỷ lệ học sinh đến trường và giảm tỷ lệ học sinh bỏ học hằng năm; tạo điều kiện trong các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí lành mạnh... nhất là đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đều được hưởng các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước ở các mức độ và điều kiện khác nhau. Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc đạt trên 85%;

3. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em:

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, các chương trình phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, tuyên truyền Quyết định 19/QĐ-TTg của Chính phủ…; Lồng ghép các nội dung liên quan đến công tác trẻ em trong các buổi tọa đàm giao lưu, các phương tiện thông tin đại chúng trên băng rôn, khẩu hiệu, trên tủ sách pháp luật của xã….

Phối hợp với Đoàn thanh niên tặng quà cho các em thiếu nhi trong dịp Tết thiếu nhi 1/6 và tổ chức hướng dẫn sinh hoạt hè cho các em.

6. Thực hiện quyền tham gia trẻ em:

Kiện toàn thành viên câu lạc bộ quyền trẻ em, tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ quyền trẻ em định kỳ.

III. Đánh giá kết quả đạt được:

1. Kết quả so với năm trước liền kề.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể xã về công tác trẻ em.

Cán bộ phụ trách công tác trẻ em đã có sự nỗ lực nhiệt tình với công việc.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền đến các thôn Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các văn bản pháp luật liên quan đến công tác trẻ em…

Đời sống nhân dân nâng cao nên việc bảo vệ chăm sóc trẻ em thường rất quan tâm từ phía gia đình.

Số trẻ em được chăm sóc tăng hơn so với năm trước.

2. Những tồn tại, hạn chế.

- Cán bộ phụ trách công tác trẻ em phần lớn là kiêm nhiệm nhiều việc nên việc chuyên sâu về công tác còn hạn chế, không có lực lượng cộng tác viên ở thôn việc điều tra chủ yếu là nhờ vào trưởng thôn nên không hiệu quả.

- Địa bàn rộng dân số đông cộng với sự phát triển dân trí không đồng đều nên rất phức tạp trong việc quản lý.

- Tình trạng bạo lực học đường vẫn còn xảy ra

- Tình trạng khô hạn kéo dài dẫn đến tình trạng đào ao làm vườn ở bà con nhân dân còn nhiều nên nguy cơ còn trẻ chết đuối nước ở ao hồ.

3. Nguyên nhân:

Nhân dân phần đông là làm nông nên không chú trọng đến đời sông vật chất và tinh thần cho các em, vẫn còn tình trạng các em nhỏ phụ giúp cha mẹ làm công việc đồng án…

Kinh phí cho công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em không có. Các em không có khu vui chơi giải trí riêng..

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội còn hạn chế.

IV. Kế hoạchk năm 2021

1. Mục tiêu chung

Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; trợ giúp, phục hồi kịp thời cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị tổn hại, tạo cơ hội để các em tái hòa nhập cộng đồng và bình đẳng về cơ hội phát triển.

2. Các mục tiêu cụ thể

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động tham gia thực hiện các Chương trình, Kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; nhất là tăng cường các hoạt động tuyên truyền về kiến thức pháp luật, phương thức, thủ đoạn của đối tượng phạm tội, kỹ năng phát hiện, phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước trẻ em... đến gia đình, mỗi đoàn viên, hội viên và mỗi người dân để từng bước nâng cao ý thức, kỹ năng sống cho trẻ em

3. Các chỉ tiêu cần đạt

Không còn tình trạng trẻ em bỏ học giữa chừng, tình trang trẻ em bị tai nạn thương tích, trẻ em bị bạo hành…

Không để tình trạng che giấu, không thông báo, tố giác hành vi bạo lực, xâm hại quyền trẻ em hoặc thiếu trách nhiệm trong việc xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân về việc để xảy ra tình trạng không xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em xảy ra trên địa bàn; không kịp thời hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em khi bị bạo lực, xâm hại.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác trẻ em năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021của Ủy ban nhân dân xã Tân An báo cáo Phòng Lao động Thương binh và Xã hội biết theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Phòng LĐTBXH (b/c);
- Lưu: VT (đ/c Tính)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đông Phong

Phụ lục 01

Mẫu số 01/TE
Kỳ báo cáo: 2 lần/năm
Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM NĂM 2020

UBND xã Tân An

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2020
I	**Dân số trẻ em**		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	2.626
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	23,62
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	692
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	6,22
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	692
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	692
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	29
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	0,26
II	**Tháng hành động vì trẻ em**		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	4
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	900
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	15
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	3.000.000
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	3.000.000
III	**Tết Trung thu cho trẻ em**		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (huyện, xã)	Điểm	15
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	2.478
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	2.478
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	54.761.000
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	8.000.000
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	46.761.000
IV	**Diễn đàn trẻ em các cấp**		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
V	**Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội**		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2020
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	
VI	**Số người làm công tác trẻ em các cấp**		
1	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
1.1	Chuyên trách	Người	
1.2	Kiêm nhiệm	Người	
2	Cấp xã	Người	1
	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người	1
3	Cộng tác viên thôn, ấp, bản	Người	
VII	**Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em**		
1	Số lớp và số cán bộ cấp huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án… về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
VIII	**Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em**		
	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Thành phố, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).	*Triệu đồng*	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	*Triệu đồng*	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	*Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)*	*Triệu đồng*	
2.2	*Nguồn từ các tổ chức quốc tế*	*Triệu đồng*	

Tân An, ngày 06 tháng 11 năm 2020

Lãnh đạo duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)
PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Thị Ngọc Loan

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)
Lâm Thị Mỹ Tính

THỐNG KÊ SỐ LIỆU TRẺ EM
NĂM 2020

MẪU 03

Xã/Phường: Xã Tân An
Quận/Huyện: Huyện Đăk Pơ
Tỉnh/Thành: Tỉnh Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	Cộng tổng	Tỷ lệ trẻ em nhận được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước)	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Được nhận trợ cấp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Được học nghề, tạo việc làm	
		(Người)	*(%)*	*(Người)*	*(Người)*	*(Người)*	*(Người)*	*(Người)*	*(Người)*
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
I	**Dân số trẻ em**								
1	Tổng số trẻ em < 16 tuổi	2.626							
	Nam	1.387							
	Nữ	1.232							
	Trong đó: Trẻ em < 6 tuổi	692							
2	Chia theo dân tộc								
	Dân tộc Kinh	2.611							
	Dân tộc khác	13							
II	**Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**	**22**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Tổng số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau	**21**	**90**	**19**	**0**	**19**	**2**	**0**	**0**
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ;	3	**67**	2	0	2	1	0	0
1,1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc	0	**0**	0	0	0	0	0	0
1,2	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội	0	**0**	0	0	0	0	0	0
1,3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích	3	**67**	2	0	2	1	0	0
1,4	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi	0	**0**	0	0	0	0	0	0
2	Trẻ em bị bỏ rơi	2	**0**	0	0	0	0	0	0
2,1	Trẻ em bị bỏ rơi chưa được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội	0	**0**	0	0	0	0	0	0
2,2	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình	2	**0**	0	0	0	0	0	0
3	Trẻ em không nơi nương tựa	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,4	Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,6	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,7	Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,8	Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
3,9	Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0	**0**	0	0	0	0	0	0

3,1	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.	0	0	0	0	0	0	0	0
3,11	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em.	0	0	0	0	0	0	0	0
3,12	Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật.	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Trẻ em khuyết tật	12	50	6	0	6	0	0	0
4,1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.	1	0	0	0	0	0	0	0
4,2	Trẻ em khuyết tật nặng.	6	67	4	0	4	0	0	0
4,3	Trẻ em khuyết tật nhẹ.	4	25	1	0	1	0	0	0
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	0	0	0	0	0	0	0	0
6,1	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình.	0	0	0	0	0	0	0	0
6,2	Trẻ em vi phạm pháp luật chưa xác định được nơi cư trú ổn định đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở trợ giúp xã hội.	0	0	0	0	0	0	0	0
6,3	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn hoặc tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo.	0	0	0	0	0	0	0	0
6,4	Trẻ em chấp hành xong hình phạt tù có thời hạn hoặc chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Trẻ em nghiện ma túy	0	0	0	0	0	0	0	0
7,1	Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện.	0	0	0	0	0	0	0	0
7,2	Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng.	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	2	0	0	0	0	0	0	0
8,1	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc.	1	0	0	0	0	0	0	0
8,2	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc người chăm sóc.	1	0	0	0	0	0	0	0
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Trẻ em bị bóc lột	0	0	0	0	0	0	0	0
10,1	Trẻ em bị tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động.	0	0	0	0	0	0	0	0
10,2	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.	0	0	0	0	0	0	0	0
10,3	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch mà bị xâm hại tình dục; bị cho, nhận hoặc cung cấp để hoạt động mại dâm.	0	0	0	0	0	0	0	0
10,4	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác.	0	0	0	0	0	0	0	0
10,5	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	0	0	0	0	0	0	0	0
11,1	Trẻ em bị hiếp dâm.	0	0	0	0	0	0	0	0
11,2	Trẻ em bị cưỡng dâm.	0	0	0	0	0	0	0	0
11,3	Trẻ em bị giao cấu.	0	0	0	0	0	0	0	0
11,4	Trẻ em bị dâm ô.	0	0	0	0	0	0	0	0
11,5	Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Trẻ em bị mua bán	0	0	0	0	0	0	0	0
12,1	Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích	0	0	0	0	0	0	0	0
12,2	Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải Điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	3	67	2	0	2	0	0	0
13,1	Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	1	100	1	0	1	0	0	0

13,2	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	2	**50**	1	0	1	0	0	0
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc	0	**0**	0	0	0	0	0	0
14,1	Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
14,2	Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn không có người chăm sóc.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
14,3	Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn vào Việt Nam.	0	**0**	0	0	0	0	0	0
III	**Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt**	**173**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Tổng số nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau		**31**	**29**	**9**	**1**	**9**	**3**	**0**	**0**
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo.	112	**38**	43	1	43	14	0	0
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo	31	**29**	9	1	9	3	0	0
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS).	22	**14**	3	0	3	0	0	0
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội.	18	**44**	8	0	8	4	0	0
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội	0	**0**	0	0	0	0	0	0
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật	7	**43**	3	0	3	0	0	0
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa	1	**0**	0	0	0	0	0	0
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ	28	**29**	8	0	8	4	0	0
IV	**Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo	0	**0**	0	0	0	0	0	0
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích	0	**0**	0	0	0	0	0	0
	- Trong đó, số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích	0	**0**	0	0	0	0	0	0
	+ Trong đó: số trẻ em tử vong do đuối nước	0	**0**	0	0	0	0	0	0

Tân An, ngày 06 tháng11năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. **CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đông Phong

NGƯỜI LẬP

Lâm Thị Mỹ Tính